



SỔ TAY HƯỚNG DẪN SINH HOẠT TỈNH KUMAMOTO

日本語

English

中文

한국어

Tiếng Việt

Tagalog

Biên soạn, Phát hành :
Hiệp hội quốc tế tỉnh Kumamoto

Mục lục

I . Những việc phải làm khi đến Nhật	2
II . Giao thông	8
III . Công việc	13
IV . Sức khỏe, thương tật	14
V . Nuôi dạy, giáo dục	16
VI . Phòng chống thiên tai, cứu thương	20
VII . Tư vấn, giải đáp thắc mắc	22

I. Những việc phải làm khi đến Nhật

😊 Xin hãy đánh dấu tích sau khi hoàn thành thủ tục



Thẻ cư trú

Luôn mang theo thẻ cư trú khi ra ngoài (không áp dụng cho trẻ em dưới 16 tuổi).

【 Mặt trước 】



【 Mặt sau 】



Thông tin chi tiết 🔍

Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh
(<http://www.immi-moj.go.jp/>)





Đăng ký cư trú

I

Người ngoại quốc nếu cư trú ở Nhật từ 3 tháng trở lên sẽ phải đăng ký địa chỉ cư trú ở chính quyền địa phương nơi bạn sống.

○ Sau khi đến Nhật

Trong vòng 14 ngày sau khi quyết định chỗ ở tại Nhật, hãy mang thẻ cư trú đến chính quyền địa phương nơi bạn sống để làm thủ tục đăng ký cư trú .

※ Trường hợp ở hộ chiếu có ghi “thẻ cư trú cấp sau vài ngày” thì xin hãy mang hộ chiếu đến làm thủ tục. Thẻ cư trú sẽ được gửi sau khi hoàn thành thủ tục .

○ Khi chuyển nhà

- ❶ Trước khi chuyển tới địa chỉ mới, hãy làm thủ tục thông báo chuyển đi tại chính quyền địa phương nơi bạn đang sống.
- ❷ Trong vòng 14 ngày sau khi chuyển tới địa chỉ mới, hãy đăng ký cư trú tại chính quyền địa phương nơi bạn mới chuyển tới.

Thông tin chi tiết

Quầy “đăng ký cư trú” tại chính quyền địa phương nơi bạn sống

Bảo hiểm sức khỏe

Tất cả mọi người sinh sống trên lãnh thổ Nhật Bản phải tham gia bảo hiểm sức khỏe.

Thông tin chi tiết

Xem mục “sức khỏe, thương tật”(trang14)



Tiền lương hưu

Ở Nhật, tất cả mọi người đều phải tham gia chế độ tiền lương hưu. Chế độ này đảm bảo mọi người có thể an tâm sinh hoạt sau khi về già.

○ Các loại tiền lương hưu

Phân loại	Đối tượng (Người trên 20 tuổi dưới 60 tuổi)	Phí bảo hiểm	Nơi giải đáp thắc mắc
Tiền lương hưu quốc dân	Người tự kinh doanh Người không đi làm	16,410 yên/ tháng (Năm 2019)	Quầy”tiền lương hưu quốc dân” của chính quyền địa phương.
Tiền lương hưu phúc lợi	Người đang làm việc tại công ty	Tuỳ thuộc vào thu nhập	Người phụ trách vấn đề tiền lương hưu tại công ty

- ※ Đối với những người đang đi làm thêm, làm bán thời gian, có thể phải tham gia tiền lương hưu quốc dân thay cho tiền lương hưu phúc lợi .
- ※ Khi không thể đóng tiền lương hưu, có thể làm thủ tục miễn giảm(không cần phải thanh toán) hoặc hoãn thanh toán(thời hạn thanh toán sẽ được kéo dài).

○ Khoản thanh toán rút tiền một lần từ tiền lương hưu quốc dân và tiền lương hưu phúc lợi

Nếu thoả mãn điều kiện ❶ và ❷ thì bạn sẽ được nhận lại phần tiền bảo hiểm bạn đã thanh toán

- ❶ Đã thanh toán tiền lương hưu từ 6 tháng trở lên tại Nhật.
- ❷ Trong vòng 2 năm sau khi rời khỏi Nhật, phải làm thủ tục yêu cầu hoàn lại tiền.

Thông tin chi tiết

Cơ quan tiền lương hưu Nhật Bản
(<https://www.nenkin.go.jp/>)



Người đóng tiền lương hưu quốc dân: quây” Tiền lương hưu quốc dân” tại chính quyền địa phương nơi bạn sống, “Văn phòng tiền lương hưu” hoặc “Trung tâm tư vấn tiền lương hưu” gần nhà.

Người đóng tiền lương hưu phúc lợi: liên hệ người phụ trách tiền lương hưu tại công ty.



Ký hợp đồng tiện ích

Khi bắt đầu chỗ ở mới thì những tiện ích phục vụ sinh hoạt như ga, nước quý khách phải tự mình đăng ký. Hãy ký hợp đồng ngay khi ngày nhập nhà được quyết định.

※ Lúc bắt đầu sử dụng ga và huỷ không sử dụng ga thì cần phải có sự quan sát cùng nhân viên công ty ga.



Cách bỏ rác

Ở mỗi khu vực sinh sống sẽ có những quy định về phân loại và bỏ rác.

Để đảm bảo cuộc sống thoải mái hơn, xin hãy tuân thủ theo quy định.

○ Khi bỏ rác

Tùy thuộc vào mỗi chính quyền địa phương mà có quy tắc khác nhau về phân loại rác.

① Phân loại rác

(Rác cháy được, rác không cháy được, rác tái sinh, chai nhựa v.v)



② Ngày giờ

Hãy bỏ rác vào đúng ngày và thời gian quy định tại khu vực.



③ Chỗ bỏ rác

Hãy bỏ rác vào đúng nơi đã quy định tại khu vực.

※ Tùy thuộc vào khu vực mà túi rác có thể sẽ bị tính phí.

Thông tin chi tiết

Quầy “rác thải” của chính quyền địa phương nơi bạn sống.



Tiền thuế

I

Phân loại	Nội dung
Thuế cư trú	Những chi phí cần thiết cho các dịch vụ hành chính ở khu vực sẽ được thanh toán vào năm tiếp theo dựa vào thu nhập của năm trước.
Thuế thu nhập	Thanh toán dựa vào thu nhập của năm trước.
Thuế tiêu thụ	Là tiền thuế cho hàng hoá và dịch vụ. Ở Nhật áp dụng 8% và 10% vào thuế tiêu dùng.

※ Thủ tục khai thuế: Là thủ tục tính tổng thu nhập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm sau đó thông báo cho chính quyền địa phương nơi bạn sống và nộp thuế. Hãy chọn 1 trong những cách dưới đây để làm thủ tục: ① Mang giấy tờ đến cục thuế ② Gửi qua bưu điện ③ Thông qua internet.

Thông tin chi tiết

Thuế quốc gia : Trang thông tin của cục thuế

(<https://www.nta.go.jp/>)



Thuế của tỉnh: Trụ sở khu vực rộng tỉnh Kumamoto hoặc Sở thuế xe ô tô

Thuế của chính quyền địa phương: quầy “thuế” của chính quyền địa phương nơi bạn sống.

II. Giao thông

II

Các phương tiện giao thông ở Nhật Bản chạy khá đúng giờ. Nếu sử dụng tàu điện, xe buýt thì có thể dùng vé tháng hoặc vé một ngày.

Tàu điện

○ Cách đi tàu

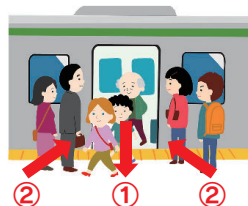
① Hãy mua vé đến điểm xuống(nếu có thẻ IC thì hãy đến thẳng cửa soát vé).



② Xếp hàng ở trên sân ga chờ tàu.



※ Xin hãy ưu tiên cho người xuống trước rồi mới lên tàu.



😊 Những tàu có ghi Tokkyu 「特急」, Kyuko 「急行」, Kaisoku 「快速」 là tàu nhanh và sẽ không dừng ở một vài ga.

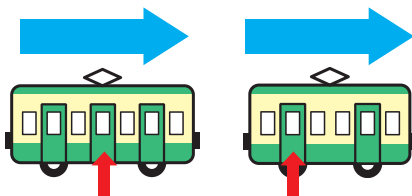
Hãy kiểm tra bảng hướng dẫn hoặc bản đồ tuyến tàu để biết điểm dừng của tàu!

Tàu điện thành phố Kumamoto

II

○ Cách đi tàu

- ❶ Lên từ cửa ở giữa hoặc cuối tàu.



- ❷ Nếu có thẻ IC thì hãy quét thẻ vào máy soát thẻ.



- ❸ Sau khi nghe thông báo đến điểm muốn xuống, hãy bấm chuông.



- ❹ Hãy bỏ tiền vào hộp đựng tiền phí đặt ở phía cửa trước tàu và xuống tàu.

Bạn mang thẻ IC thì hãy quét thẻ vào máy soát thẻ đặt ở gần hộp đựng tiền phí.



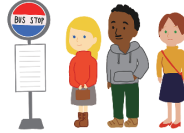
- 😊 Bạn sử dụng tàu điện thành phố Kumamoto xuống bất cứ điểm nào cũng có giá 170 yên đối với người lớn, 90 yên đối với trẻ em. (Thời điểm tháng 10 năm 2019)

Xe buýt

II

○ Cách đi xe

- ❶ Chờ ở bến xe buýt đi đến hướng muốn xuống.



- ❷ Nếu lên xe buýt, phải lấy vé. Bạn mang thẻ IC xin hãy quẹt thẻ vào máy soát thẻ.



- ❸ Sau khi có thông báo đến điểm muốn xuống, hãy bấm chuông.



- ❹ Hãy bỏ tiền vào hộp đựng tiền phí đặt ở phía cửa trước xe buýt và xuống xe. Bạn mang thẻ IC, hãy quẹt thẻ vào máy soát thẻ đặt ở gần hộp đựng tiền phí .



- ※ Tiền vé xe có loại giá cố định và loại phụ thuộc vào khoảng cách. (Nếu có thẻ IC thì sẽ tiện lợi hơn).
- ※ Lên xe buýt từ cửa nào còn tùy thuộc vào loại xe.

<Cách kiểm tra tiền vé xe buýt và tàu điện>

Trước khi xuống tàu/xe, hãy kiểm tra giá vé bằng số in trên vé tàu.



next kumamoto station																							
1	2	3	4	5	6	7	8																
300	300	300	300	300	300	300	300																
9	10	11	12	13	14	15	16																
300	300	290	270	230	210	190	150																
17	18	19	20	21	22	23	24																
150	150																						



II

<Các quy tắc khi lên tàu điện, xe buýt>

Hãy chấp hành các quy tắc khi lên tàu điện, xe buýt.

- Để điện thoại ở chế độ im lặng, không nói chuyện qua điện thoại.
- Không nói to, ồn ào.
- Không ăn khi trên tàu, xe.



NO

NO



NO



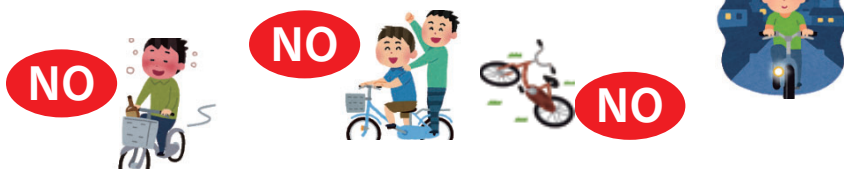
Xe đạp

○ Cách lưu thông

- ❶ Khi di chuyển bằng xe đạp, hãy chạy xe bên trái đường theo qui tắc.
- ❷ Không vừa chạy xe vừa nghe nhạc bằng tai nghe, hoặc sử dụng điện thoại.
- ❸ Chấp hành luật giao thông.

<Quy tắc tham gia giao thông bằng xe đạp>

- Không lái xe sau khi uống rượu
- Không đi 2 người
- Không vút, để xe bừa bãi
- Bật đèn vào buổi tối
- Chấp hành tín hiệu đèn giao thông



Xe ô tô

Để tham gia giao thông ở Nhật, cần phải có một trong những loại bằng sau:

❶ Bằng lái xe của Nhật ❷ Bằng lái xe quốc tế ❸ Bằng lái xe khu vực quốc gia đặc biệt (Thụy Sĩ, Cộng hoà Slovenia, Đức, Pháp, Bỉ, Monaco và Đài Loan-6 quốc gia và 1 vùng lãnh thổ)

※ Giới hạn với các vật có bản dịch tiếng Nhật từ đại sứ quán, lãnh sự quán, JAF. Trường hợp mang bằng lái xe của nước khác, có thể đổi bằng lái xe của Nhật.

😊 Giao thông được lưu hành ở bên trái.

Thông tin chi tiết 🔍

Sở cảnh sát tỉnh Kumamoto

(<https://www.pref.kumamoto.jp/police/>)



III. Công việc

Tư cách lao động

Tuỳ thuộc vào tư cách lưu trú mà phạm vi làm việc tại Nhật được quyết định.

Dù không mang tư cách cho phép đi làm, nhưng nếu công nhận hoạt động ngoài tư cách thì vẫn có thể đi làm.

※ Du học sinh bị giới hạn về số giờ có thể làm việc.

Thông tin chi tiết

Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh
(<http://www.immi-moj.go.jp/>)



Chế độ bảo hiểm việc làm

Là chế độ bảo hiểm công hỗ trợ phí sinh hoạt khi mất sức lao động hoặc cho đến khi tìm thấy công việc mới.

Loại	Nội dung
Gói cơ bản (phụ cấp thất nghiệp)	Khi nghỉ việc, có thể nhận được một khoản tiền trong thời gian nhất định nếu chưa tìm được công việc khác.
Phụ cấp nghỉ chăm con	Khoản tiền có thể nhận được trong quá trình nghỉ dài để chăm con.
Phụ cấp chăm người già, ốm	Khoản tiền có thể nhận được trong quá trình nghỉ dài để chăm người già, ốm.

IV. Sức khỏe, thương tật

Tất cả mọi người sống trong lãnh thổ Nhật Bản tham gia vào chế độ bảo hiểm sức khỏe công, có thể hưởng tất cả dịch vụ khám chữa bệnh.

Nếu thấy cơ thể không khỏe, đầu tiên hãy đi đến bệnh viện gần nhất.

※ Nếu đến các bệnh viện trực thuộc đại học mà không có giấy giới thiệu thì chi phí sẽ cao hoặc có thể không được khám bệnh.

Bảo hiểm sức khỏe quốc dân và bảo hiểm sức khỏe

Chế độ bảo hiểm công được chia làm 2 loại, tất cả mọi người phải tham gia vào một trong hai. Sau khi tham gia sẽ nhận được thẻ bảo hiểm.

Hơn thế nữa, chi phí phải trả cho y tế chỉ là 30%. Nếu không tham gia bảo hiểm, chi phí sẽ rất cao.



Hình minh họa
thẻ bảo hiểm

○ Các loại bảo hiểm y tế công và đối tượng

	Bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Bảo hiểm sức khỏe
Nội dung chế độ	Chỉ phải chi trả 30% phí y tế (Nếu chi phí là 1000 yên thì chỉ phải trả 300 yên)	
Đối tượng	Người tự kinh doanh, người không đi làm	Người đi làm ở công ty.
Phí bảo hiểm	Tuỳ thuộc vào thu nhập mà khác nhau	
Nơi giải đáp	Quầy “bảo hiểm sức khỏe quốc dân” của từng khu vực.	Người phụ trách ở công ty

※ Đối với các công dân thuộc nước có kí hiệp định bảo hiểm an sinh với Nhật, có thể không cần phải tham gia.

※ Những người đang làm bán thời gian thì có thể sẽ phải tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân thay cho bảo hiểm sức khỏe.

Hướng dẫn khi đi khám

- ❶ Mang thẻ bảo hiểm đến quầy tiếp nhận ở bệnh viện và điền vào phiếu khám bệnh.



- ❷ Ngồi chờ ở phòng chờ cho đến khi được gọi tên.



- ❸ Sau khi được gọi tên, hãy vào phòng khám và miêu tả triệu chứng.



- ❹ Sau khi khám bệnh xong, hãy chờ ở phòng chờ. Khi được gọi tên, ra thanh toán và nhận đơn thuốc.



- ❺ Đến hiệu thuốc, nhận thuốc theo đơn và thanh toán tiền thuốc.



Thông tin chi tiết

Hệ thống thông tin y tế tổng hợp Tỉnh Kumamoto
(<http://mis.kumamoto.med.or.jp/>)
Trung tâm thông tin y tế quốc tế AMDA
(<https://www.amdamedicalcenter.com/>)



V. Nuôi dạy, giáo dục

Khi mang thai, sinh em bé, có rất nhiều giấy tờ thủ tục cần thiết. Khi cảm thấy có khả năng đang mang thai, đầu tiên hãy đến bệnh viện có khoa sản.

Thông báo mang thai

Phải thông báo đang mang thai đến cho chính quyền địa phương nơi bạn sống. Nhận sổ tay sức khỏe mẹ bé.



Sổ tay sức khỏe mẹ bé

Ghi lại tình hình sức khỏe của bé và mẹ khi đang mang thai, sức khỏe của bé và tiêm phòng từ khi mới sinh cho đến khi vào lớp một.

※ Có cả sổ tay sức khỏe mẹ bé bằng tiếng nước ngoài nhưng phải trả thêm phí.

Thông báo khai sinh

Trong vòng 14 ngày sau khi sinh, thông báo khai sinh phải được gửi đến chính quyền nơi bạn đang sinh sống.

Nếu em bé được sinh ở Nhật thì việc thông báo này là cần thiết bất kể quốc tịch của cha mẹ.

Trong giấy khai sinh có mục điền tên bé, cha mẹ hãy đặt tên cho bé trước ngày thông báo sinh.

Khám bệnh định kỳ

Trẻ em khi 3-4 tháng, 6-7 tháng, 9-10 tháng, 1 tuổi 6 tháng, 3 tuổi có thể hưởng quyền kiểm tra sức khỏe miễn phí.

Có thể tham khảo và thăm khám theo chỉ định của bác sĩ và trẻ em được đo chiều cao và cân nặng.

Hệ thống học tập

Ở Nhật, cha mẹ có nghĩa vụ cho con đi học từ 6 tuổi đến 15 tuổi.

Tuổi		Lớp					
Nghĩa vụ giáo dục	0		Nhà trẻ (từ 0 tuổi)	Trường mầm non (từ 0 tuổi)	Trường mẫu giáo (Từ 3 tuổi)		
	1						
	2						
	3						
	4						
	5						
	6	1	Trường tiểu học (6năm)				Trường giáo dục nghĩa vụ (9năm)
	7	2					
	8	3					
	9	4					
	10	5					
	11	6					
	12	1	Trường trung cao học (6năm)	Trường trung học cơ sở (3năm)		Trường cấp ba chuyên môn (5năm)	
13	2	Trường trung học phổ thông (3năm)					
14	3						
15	1	Đại học (4năm)	Đại học ngắn hạn (2năm)				
16	2						
17	3						
18	1						
19	2						
20	3						
21	4						

V

※ Độ tuổi tính tại thời điểm ngày 2 tháng 4

※ Có “trường học hỗ trợ đặc biệt” hỗ trợ tự lập cho trẻ khuyết tật.

Trường mẫu giáo (Yochien)

Là trường dạy học cho trẻ từ 3 tuổi cho đến khi vào tiểu học.

Nhà trẻ (Hoikusho)

Là nơi nhận trông giữ trẻ từ 0 tuổi cho đến trước khi trẻ vào tiểu học nếu cha mẹ bận công việc.

Trường mầm non (Nintei kodomoen)

Là nơi nhận trông giữ và nuôi dạy trẻ. Mang cả 2 chức năng của nhà trẻ và trường mẫu giáo.

Cách thức nhập học

Nếu muốn cho trẻ nhập học ở trường mẫu giáo, tiểu học, cấp hai, cấp ba trường công lập hoặc có nguyện vọng cho trẻ đến nhà trẻ, xin hãy đến thảo luận tại chính quyền địa phương nơi bạn sống.

Nếu muốn cho trẻ nhập học tại trường tư thục hoặc quốc lập, hãy hỏi trực tiếp phía trường học.

Với những trẻ chưa nói được nhiều tiếng Nhật, có thể được hỗ trợ dạy thêm tiếng Nhật.

Thông tin chi tiết

Bộ giáo dục, văn hoá, thể thao, khoa học và công nghệ
“Sổ tay hướng dẫn Nhập học”

(http://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/clarinet/003/1320860.htm)



Trường quốc tế

Tổ chức giáo dục được thiết lập cho đối tượng là trẻ em ngoại quốc.

Tuỳ thuộc vào trường học mà ngôn ngữ và giáo trình dùng trong trường khác nhau.

Thông tin cụ thể xin hãy hỏi trực tiếp phía trường.

Tiền trợ cấp

Hỗ trợ tiền trợ cấp sinh con nhận một lần và trợ cấp trẻ em cho những người đang nuôi con nhỏ.

Loại	Đối tượng
Tiền trợ cấp sinh con nhận một lần	Những người sinh con trên 4 tháng thai kì (1 trẻ được nhận từ 420,000 yên đến 404,000 yên)
Trợ cấp trẻ em	Người nuôi trẻ đến 15 tuổi ※ Có giới hạn thu nhập.

V

Thông tin chi tiết

Quỹ “Nuôi dạy, giáo dục” tại chính quyền địa phương nơi bạn sống

Hiệp hội bảo hiểm sức khỏe toàn quốc
(<https://www.kyoukaikenpo.or.jp/>)



VI. Phòng tránh thiên tai, cứu thương

Ở Nhật, thảm hoạ tự nhiên rất hay xảy ra.

Hãy cùng tìm hiểu xem khi thiên tai đến thì nên làm như thế nào nhé.

Hãy quyết định đường lánh nạn và khu vực lánh nạn, phương pháp liên lạc với gia đình.

Động đất

Mặt đất rung chuyển, nhà bị đổ, sóng thần (những đợt sóng cao, mạnh) sẽ đổ bộ vào.

○ Chuẩn bị

- ❶ Cố định, tránh để vật gia dụng bị rơi
- ❷ Chuẩn bị những đồ mang theo lúc khẩn cấp (nước, thực phẩm...)



Thông tin chi tiết

Quầy “phòng tránh thiên tai khẩn cấp” của chính quyền địa phương nơi bạn sống

○ Xảy ra động đất

- ❶ (Có thể bị rơi nhưng đồ vật trên cao xuống)
Trốn dưới gầm bàn để bảo vệ đầu và cơ thể.
- ❷ Nếu hết rung, hãy tắt hết các vật dụng tạo ra nhiệt trong nhà bếp.
- ❸ Mở cửa để tạo lối thoát.
- ❹ Không hoảng sợ, từ từ di tản.



Bão

Dưới ảnh hưởng của mưa to, gió lớn, biển động khiến cho nước sông dâng cao, rất nguy hiểm.

Rất hay xảy ra từ tháng 7 đến tháng 10. Tàu điện và xe buýt có thể bị chậm hoặc bị dừng

NO



○ Khi bão đến

- ① Cập nhật tình hình qua tivi, radio và internet...
- ② Không đi ra ngoài khi mưa gió mạnh.

Hoả hoạn

○ Khi có hoả hoạn

- ① (Nếu nghe thấy tiếng còi hay tiếng hô báo hoả hoạn) Chạy ra khỏi tòa nhà.
- ② Yêu cầu sự trợ giúp của những người xung quanh.
Bấm 119 để gọi cứu hoả.



Cứu hoả/cứu thương (☎119)

Liên lạc khi có hoả hoạn, bị thương, bị ốm đột xuất, tai nạn giao thông(khi có người bị thương), hãy chuẩn bị những mục sau:



- ① Hoả hoạn hay là cứu thương?
- ② Đang trong tình hình thế nào? (mất ý thức, bị thương...)
- ③ Địa chỉ, nơi liên lạc(chỗ nào, gần khu vực đó có gì?)

Cảnh sát (☎110)

Có dấu hiệu phạm tội (trộm cắp, bạo lực...), tai nạn giao thông.



VII. Tư vấn, giải đáp thắc mắc

[Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài tỉnh Kumamoto]

Thời gian tư vấn	Từ thứ 2 đến thứ 6, 8:30 - 17:15 (Nghỉ vào các ngày lễ (theo lịch của Nhật) và từ ngày 29/12 đến ngày 3/1).
Khi muốn tư vấn	• Gọi điện thoại đến TEL 080-4275-4489 • Gửi mẫu đăng kí từ vấn từ internet • Đến thẳng trung tâm ※ Hãy hẹn trước qua điện thoại.
Địa chỉ	Kumamoto-shi, chuo-ku suizenji tầng 7 toà thị chính (Thuộc phòng quốc tế)
Chi phí	Miễn phí (không thu tiền)
Phạm vi thảo luận	Vấn đề liên quan đến sinh hoạt Thủ tục lưu trú, công việc, bệnh tật, phúc lợi, sinh sản, chăm sóc, giáo dục trẻ em,...
Ngôn ngữ hỗ trợ	Tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Malay, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Myanma, tiếng Khmer, Tiếng Mông Cổ.

●Chúng tôi có giới thiệu những thông tin hỗ trợ cuộc sống trên trang chủ.
Trang chủ

<http://www.kumamoto.jp/support-center/>



【Chính quyền địa phương tại tỉnh Kumamoto】

Ngày giờ tiếp nhận tại quầy :

từ thứ 2- thứ 6 theo quy định (8:30 ~ 17:15)

※ Tùy thuộc vào từng khu vực mà có thay đổi.

Quận huyện,...	Địa chỉ	Số điện thoại
Asagiri-cho	Mendahigashi 1199	0966-45-1111
Ashikita-machi	Ashikita 2015	0966-82-2511
Aso-shi	Ichinomiyamachi miyaji 504-1	0967-22-3111
Amakusa-shi	Higashihamamachi 8-1	0969-23-1111
Arao-shi	Kunaideme 390	0968-63-1111
Itsuki-mura	Kou 2672-7	0966-37-2211
Uki-shi	Matsubasemachi Oono 85	0964-32-1111
Uto-shi	Urata-machi 51	0964-22-1111
Ubuyama-mura	Yamaga 488-3	0967-25-2211
Ozu-machi	Ozu 1233	096-293-3111
Oguni-machi	Miyahara 1567-1	0967-46-2111
Kashima-machi	Uejima 530	096-237-1111
Kamiamakusa-shi	Ooyano-machikami 1514	0964-56-1111
Kikuchi-shi	Waifu 888	0968-25-7111
Kikuyo-machi	Kubota 2800	096-232-2111
Gyokuto-machi	Konoha 759	0968-85-3111
Kuma-mura	Watari hei 1730	0966-32-1111
Trụ sở hành chính quận Chuo thành phố Kumamoto	Chuo-ku Tetori Honcho 1-1	096-328-2111
Trụ sở hành chính quận Higashi thành phố Kumamoto	Higashi-ku Higashi Honmachi 16-30	096-367-9111
Trụ sở hành chính quận Nishi thành phố Kumamoto	Nishi-ku Oshima 2 chome 7-1	096-329-1111
Trụ sở hành chính quận Minami thành phố Kumamoto	Minami-ku Tomiai-machi Kiyofuji 405-3	096-357-4111
Trụ sở hành chính quận Kita thành phố Kumamoto	Kita-ku Ueki-machi Iwano 238-1	096-272-1111

Quận huyện,...	Địa chỉ	Số điện thoại
Kosa-machi	Toyouchi 719-4	096-234-1111
Koshi-shi	Takaba 2140	096-248-1111
Sagara-mura	Fukami 2500-1	0966-35-0211
Takamori-machi	Takamori 2168	0967-62-1111
Tamana-shi	Iwasaki 163	0968-75-1111
Taragi-machi	Taragi 1648	0966-42-6111
Tsunagi-machi	Kotsunagi 2123	0966-78-3111
Nagasu-machi	Nagasu 2766	0968-78-3111
Nagomi-machi	Eta 3886	0968-86-3111
Nankan-machi	Sekimachi 1316	0968-53-1111
Nishiki-machi	Ichibu 1587	0966-38-1111
Nishihara-mura	Komori 3259	096-279-3111
Hikawa-cho	Shimachi 642	0965-52-7111
Hitoyoshi-shi	Shimoshiro motomachi 1578 Banchi 1	0966-22-2111
Mashiki-machi	Kiyama 594	096-286-3111
Misato-machi	Baba 1100	0964-46-2111
Mizukami-mura	Iwano 90	0966-44-0311
Minamata-shi	Jinnai 1chome 1-53	0966-61-1603
Minamiaso-mura	Kawayo 1705-1	0967-67-1111
Minamioguni-machi	Akababa 143	0967-42-1111
Mifune-machi	Mifune 995-1	096-282-1111
Yatsushiro-shi	Matsuejyo-machi 1-25	0965-33-4111
Yamae-mura	Yamadakou 1356-1	0966-23-3111
Yamaga-shi	Yamaga 987-3	0968-43-1117
Yamato-cho	Hamamachi 6 Banchi	0967-72-1111
Yunomae-machi	1989-1	0966-43-4111
Reihoku-machi	Shiki 660	0969-35-1111

